TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST
Ngày: 16-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa : Ông Nguyễn Quốc Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tạ Kỳ Trung;
2. Ông Trần Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2023/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Đình T, sinh năm 1989, tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Châu Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án: tại Bản án số 52/2022/HSST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: không. Về nhân thân: tại Quyết định số 404/2022/QĐ-XPHC-CAH ngày 30/3/2022 của Công an huyện G xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; tại Quyết định số 46/2017/QĐ-TA ngày 25/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; tại Quyết định số 6426/2011/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 của UBND xã A, Thành phố H vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; tại Quyết định số 986/2008/QĐ-UBND ngày 31/01/2008 của UBND xã A, Thành phố H vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị tạm giữ ngày 17/5/2023, tạm giam ngày 23/5/2023 cho đến nay. (có mặt)

Bị hại: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1974; trú tại: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Cao V năm 1998; trú tại: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

2. Anh Dương Q T2sinh năm 2003; trú tại: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đình T2 bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích, vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/5/2023, T3 khiển xe mô tô biển số 55P1-4780 đi từ C đến T tài sản của người khác lấy trộm. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, tại nhà bà Nguyễn Thị T4 ấp C, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây NinhTđã thực hiện hành vi trộm 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A màu đen của bà T1trị giá 1.200.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKSTrB ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Trần Đình T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội danh trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận các bị hại Nguyễn Thị T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về bào chữa: bị cáo T thống nhất với Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến bào chữa cho mình.

Về nói lời nói sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị hại Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị T5 H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai của những người này đã có đầy đủ trong hồ sơ, việc xét xử vắng mặt các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T13, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không và người có quyền, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên toà, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như Cáo trạng của Việm kiểm sát đã truy tố. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản vụ việc, vật chứng, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh được như sau: vào khoảng 16 giờ ngày 17/5/2023, tại nhà bà Nguyễn Thị T4 ấp C, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây NinhTrần Đình Tđã bị kết án về tội " Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A màu đen của bà T1trị giá 1.200.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Đình T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tính chất của hành vi phạm tội và hình phạt:

Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo T6 nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích và nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bà T1đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác.

- Về vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 55P1-4780, số khung RMUWCH3MU81307528, số máy VHU1P52FMHA307528 và giấy đăng ký xe mô tô biển số 55P1-4780. Đây là xe của bà Trần Thị Thanh H1- chị ruột của bị cáo T7 Xe bà H1 để tại nhà, bị cáo T8 xe và trong cốp xe có giấy đăng ký xe làm phương tiện đi trộm, bà H1không biết nên trả lại cho bà H1

Đối với máy tính bản hiệu S(7.0, 2017) màu đen, số sêri: R52J90AYX1F, số Imei: 358525080322203, sản xuất năm 2017 (đã qua sử dụng) và 01 Căn cước công dân tên Trần Đình T9 tài sản cá nhân của bị cáo T10 liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[5] Bị cáo T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình T 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/5/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bà Nguyễn Thị T11 nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác.

- Về vật chứng:

Trả lại cho bà Trần Thị T5 H101 xe mô tô biển số 55P1-4780, số khung RMUWCH3MU81307528, số máy VHU1P52FMHA307528 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 55P1-4780.

Trả lại cho bị cáo T01 máy tính bản hiệu S(7.0, 2017) màu đen, số sêri: R52J90AYX1F, số Imei: 358525080322203, sản xuất năm 2017 (đã qua sử dụng) và 01 Căn cước công dân tên Trần Đình T12

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc H2